

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO THEO ĐẶC THÙ ĐƠN VỊ
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ BIỂN

(Ban hành theo Quyết định số 2236/QĐ-ĐHQGHN, ngày 01 tháng 08 năm 2016

của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

PHẦN 1. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Kinh tế biển
 - + Tiếng Anh: Marine Economics
- Mã số chuyên ngành đào tạo: Thí điểm
- Tên ngành đào tạo: Liên ngành
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế biển
 - + Tiếng Anh: The Degree of Master in Marine Economics
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình có mục tiêu chung là đào tạo thạc sĩ mang tính liên ngành về kinh tế biển, có định hướng chất lượng cao và ứng dụng đáp ứng nhu cầu của xã hội, nhằm phục vụ cho đối tượng là các cán bộ quản lý nhà nước ở các Bộ, ban, ngành ở các cấp, các nhà nghiên cứu, các giảng viên tương lai, các cán bộ phát triển ở các tổ chức chính phủ, tổ chức phi chính phủ (NGO). Học viên sau khi tốt nghiệp có kiến thức chuyên sâu về hoạch định chính sách, quản trị, quản lý về kinh tế biển để có thể trở thành nhà quản lý, chuyên gia tư vấn trong lĩnh vực kinh tế biển, đủ năng lực để tổ chức, điều hành, thực thi các hoạt động hoạch định chính sách, quản trị và quản lý trong lĩnh vực kinh tế biển.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo Thạc sĩ Kinh tế biển sẽ cung cấp cho học viên cơ sở lý luận, phương pháp tư duy, kiến thức thực tiễn cùng các công cụ và kỹ năng cần thiết cho việc phân tích, đánh giá hiệu quả phát triển kinh tế biển, hoạch định và quản lý kinh tế tài nguyên biển, các chính sách phát triển các ngành kinh tế biển cụ thể hướng đến phát triển kinh tế biển một cách bền vững và góp phần bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

Học viên tốt nghiệp chương trình Thạc sĩ Kinh tế biển có thể học tập ở bậc cao hơn và tích lũy kiến thức để trở thành chuyên gia tư vấn/nhà quản lý/nhà nghiên cứu/giảng viên cao cấp trong lĩnh vực quản trị, quản lý về kinh tế biển.

Chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế biển là chương trình đào tạo theo định hướng chất lượng cao và ứng dụng đáp ứng nhu cầu xã hội. Tham gia chương trình đào tạo, học viên có cơ hội được giảng dạy bởi các chuyên gia cao cấp, các nhà hoạch định chính sách trong và ngoài nước, có cơ hội tham gia các khóa đào tạo thực tế, thực tập trong và ngoài nước.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

Thi tuyển với các môn thi sau đây:

- Môn thi cơ bản: Đánh giá năng lực
- Môn cơ sở: Kinh tế học
- Môn ngoại ngữ: Tiếng Anh

3.2. Đối tượng tuyển sinh

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế biển mang tính liên ngành cao của các ngành Kinh tế phát triển, Hải dương học và một số ngành liên quan như Kinh doanh và quản lý, Khoa học Trái đất, Khoa học Môi trường, Thủy sản, Kỹ thuật mỏ, Khai thác Vận tải trong đó ngành Kinh tế phát triển được coi là ngành gốc chính. Đây là chương trình đào tạo mới, có tính liên ngành cao và ưu tiên các đối tượng đang công tác trong lĩnh vực phù hợp với chuyên ngành đào tạo nên Trường Đại học Kinh tế xác định đối tượng tuyển sinh như sau:

- *Điều kiện văn bằng:*
 - Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế phát triển được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 02 học phần (06 tín chỉ).
 - Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Hải dương học được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 03 học phần (9 tín chỉ).

- Có bằng tốt nghiệp đại học các ngành thuộc nhóm ngành Kinh tế học, Kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán, Quản trị - Quản lý được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 06 học phần (18 tín chỉ).

- Có bằng tốt nghiệp đại học nhóm ngành Khoa học trái đất, Khoa học môi trường, Thủy sản, Kỹ thuật mỏ, Khai thác Vận tải được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 08 học phần (24 tín chỉ).

- *Điều kiện thâm niên công tác:*

- + Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế phát triển, Hải dương học được dự thi ngay;

- + Có bằng tốt nghiệp đại học các ngành thuộc nhóm ngành Kinh tế học, Kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán, Quản trị - Quản lý được dự thi sau khi có ít nhất một năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị và quản lý trong lĩnh vực biển, hải dương, vận tải biển, tài nguyên biển hoặc môi trường biển;

- + Có bằng tốt nghiệp đại học nhóm ngành Khoa học trái đất, Khoa học môi trường, Thủy sản, Kỹ thuật mỏ, Khai thác Vận tải được dự thi sau khi có ít nhất ba năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị và quản lý trong lĩnh vực biển, hải dương, vận tải biển, tài nguyên biển hoặc môi trường biển.

3.3. Danh mục các ngành phù hợp, ngành gần

- Ngành phù hợp: Kinh tế phát triển, Hải dương học

- Ngành gần: Kinh tế, Kinh tế quốc tế, Quản trị kinh doanh, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Marketing, Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Tài chính – Ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Kiểm toán, Khoa học quản lý, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Địa chất học, Địa lý tự nhiên, Khí tượng học, Thủy văn, Khoa học môi trường, Khoa học trái đất, Nuôi trồng thủy sản, Bệnh học thủy sản, Kỹ thuật khai thác thủy sản, Quản lý nguồn lợi thủy sản, Kỹ thuật mỏ, Kỹ thuật dầu khí, Kỹ thuật tuyển khoáng, Khai thác vận tải, Kinh tế vận tải, Khoa học hàng hải.

3.4. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

- Đối với đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế phát triển, danh mục các học phần bổ sung kiến thức gồm 02 học phần (06 tín chỉ):

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Hải dương học đại cương	3
2	Kinh tế biển	3
	Tổng cộng	6

- Đối với đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học ngành Khoa học quản lý danh mục các học phần bổ sung kiến thức gồm 03 học phần (9 tín chỉ).

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế vi mô	3
2	Kinh tế vĩ mô	3
3	Kinh tế phát triển	3
	Tổng cộng	12

- Đối với đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học các ngành thuộc nhóm ngành Kinh tế học, Kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán, Quản trị - Quản lý, danh mục các học phần bổ sung kiến thức gồm 06 học phần (18 tín chỉ):

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế vi mô	3
2	Kinh tế vĩ mô	3
3	Kinh tế phát triển	3
4	Kinh tế môi trường	3
5	Kinh tế biển	3
6	Hải dương học đại cương	3
	Tổng cộng	18

- Đối với đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học nhóm ngành Khoa học trái đất, Khoa học môi trường, Thủy sản, Kỹ thuật mỏ, Khai thác Vận tải, danh mục các học phần bổ sung kiến thức gồm 08 học phần (24 tín chỉ):

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế vi mô	3
2	Kinh tế vĩ mô	3
3	Kinh tế phát triển	3
4	Kinh tế môi trường	3
5	Kinh tế biển	3
6	Kinh tế công cộng	3
7	Kinh tế quốc tế	3
8	Hải dương học đại cương	3
	Tổng cộng	24

3.5. Dự kiến quy mô tuyển sinh

Quy mô tuyển sinh dự kiến là 35 học viên/khóa.

PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức chuyên môn, năng lực chuyên môn

1.1. Kiến thức chuyên môn

- Có kiến thức tổng hợp, liên ngành về kinh tế, quản lý, hoạch định chiến lược và chính sách về biển;

- Có kiến thức chuyên sâu về đầu tư phát triển các ngành kinh tế biển, các vấn đề pháp lý và an ninh biển, sinh thái, môi trường và phát triển bền vững kinh tế biển đảo.

1.2. Năng lực chuyên môn

- Vận dụng được những kiến thức kinh tế, quản trị, quản lý vào các hoạt động phân tích, hoạch định chính sách, quản trị, quản lý kinh tế biển;

- Hiểu và vận dụng tốt kiến thức chuyên sâu và nâng cao về kinh tế biển vào thực tiễn công việc quản trị, quản lý, giảng dạy và nghiên cứu, tư vấn về phát triển kinh tế biển;

- Sử dụng được các công cụ phân tích định tính, định lượng vào việc đánh giá các chính sách kinh tế biển, quản lý dự án đầu tư hướng đến phát triển bền vững kinh tế biển.

1.3. Trình độ ngoại ngữ

Chuẩn trình độ ngoại ngữ đầu ra của chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế biển tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Về kỹ năng

2.1. Các kỹ năng nghề nghiệp

- Lập luận, tư duy theo hệ thống, nghiên cứu, phát hiện và giải quyết các vấn đề (gồm phát hiện, hình thành, tổng quát hóa, đánh giá, phân tích, giải quyết vấn đề và đưa ra giải pháp kiến nghị) trong lĩnh vực kinh tế biển;

- Lập kế hoạch, tổ chức, thực thi các chiến lược, chính sách, chương trình và dự án trong lĩnh vực phát triển kinh tế biển một cách có hiệu quả;

- Bao quát, tổng hợp, tích hợp, nhìn nhận vấn đề có tính liên ngành dưới nhiều góc độ;

- Cập nhật kiến thức, tổng hợp và phân tích tài liệu, nghiên cứu để phát triển, bổ sung kiến thức trong lĩnh vực kinh tế biển;

- Vận dụng linh hoạt và phù hợp kiến thức, kỹ năng được đào tạo với thực tiễn công việc, khả năng làm chủ về chuyên môn để vận dụng vào xử lý các vấn đề trong công việc.

2.2. Kỹ năng bổ trợ

- Học và tự học, làm việc độc lập, biết cách sắp xếp thời gian, phân bổ công việc một cách hợp lý, thích ứng với sự phức tạp của thực tế;

- Làm việc theo nhóm: có kỹ năng hình thành nhóm, duy trì hoạt động nhóm, phát triển nhóm và kỹ năng làm việc giữa các nhóm khác nhau;

- Giao tiếp tốt, lập luận sắp xếp ý tưởng, giao tiếp bằng văn bản và các phương tiện truyền thông, thuyết trình, giao tiếp với các cá nhân và tổ chức, cộng đồng và truyền đạt thông tin trong lĩnh vực chuyên môn;

- Thu nhập và xử lý thông tin để giải quyết vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn;

- Sử dụng thành thạo Microsoft Office, khai thác và ứng dụng các phần mềm thống kê và phân tích định lượng trong nghiên cứu, có thể sử dụng thành thạo Internet và các thiết bị văn phòng.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn đào tạo và đề xuất những sáng kiến có giá trị; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn; có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao; có khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề lớn

4. Về phẩm chất đạo đức

4.1. Trách nhiệm công dân

- Yêu nước, tự tôn dân tộc, có trách nhiệm với cộng đồng;

- Có lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, hiểu biết về các giá trị đạo đức;

- Làm việc theo hiến pháp và pháp luật của nhà nước.

4.2. Đạo đức, ý thức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, thái độ phục vụ

- Tự tin, linh hoạt, nhiệt tình, có chí tiến thủ, sẵn sàng đương đầu với khó khăn;
- Có lối sống tích cực.

4.3. Thái độ tích cực, yêu nghề

- Trung thực, cẩn thận, trách nhiệm, đáng tin cậy; chủ động, tự giác, có trách nhiệm trong công việc, có ý thức tổ chức, kỷ luật, tác phong làm việc chuyên nghiệp;
- Say mê nghiên cứu khoa học, khám phá kiến thức, thích ứng với môi trường đa văn hóa.

5. Định hướng nghề nghiệp của học viên tốt nghiệp

- **Nhóm 1:** Cán bộ phân tích, nghiên cứu, cán bộ hoạch định, xây dựng chính sách, cán bộ kế hoạch tại các cơ quan quản lý Nhà nước ở các Bộ, ban, ngành từ trung ương đến địa phương liên quan đến lĩnh vực kinh tế biển;
- **Nhóm 2:** Cán bộ phân tích, nghiên cứu, tư vấn chính sách, cán bộ kế hoạch tại các tổ chức quốc tế và tổ chức phi chính phủ trong lĩnh vực kinh tế biển; các cán bộ quản lý, cán bộ hoạch định, xây dựng chiến lược trong các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp tham gia kinh doanh khai thác các ngành kinh tế biển;
- **Nhóm 3:** Nhà nghiên cứu, giảng viên tại các cơ quan nghiên cứu và trường đại học có chuyên ngành đào tạo liên quan đến kinh tế biển.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, học viên có đủ kiến thức, năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp để tiếp tục học tập, nghiên cứu cao hơn ở bậc tiến sĩ.

7. Các chương trình, tài liệu chuẩn quốc tế đã tham khảo

Trên thế giới có nhiều trường đào tạo thạc sĩ liên quan đến lĩnh vực kinh tế biển. Tại Việt Nam tuy cũng có một vài trường có đào tạo về vận tải biển, hàng hải nhưng vẫn chưa có trường đào tạo về thiên về kinh tế biển và các chính sách phát triển kinh tế biển. Mỗi chương trình tại các trường đại học khác nhau trên thế giới có những điểm nhấn riêng và lợi thế riêng.

- Chương trình **Thạc sĩ Chính sách biển (Marine Affairs/Policy)** của trường **Đại học Washington (College of Environment University of Washington)**

Đại học Washington (College of Environment, University of Washington): xếp hạng 24 theo bảng xếp hạng các trường đại học thế giới của tạp chí The Times Higher

Education năm 2013. Đối tượng học là các nhà quản lý, xây dựng chính sách, giảng viên, nghiên cứu viên về các vấn đề có liên quan đến biển (marine and coastal issues). Trường đào tạo các vấn đề chung về hệ thống biển, chính sách và quản lý tài nguyên, môi trường. Sau khi hoàn thành khóa học họ sẽ là những lãnh đạo tương lai về lĩnh vực quản lý và chính sách biển. Chương trình học trong hai năm, với quy mô đầu vào mỗi năm nhỏ, khoảng 60 học viên, sẽ tạo điều kiện chặt chẽ cho quá trình trao đổi và học hỏi giữa giảng viên và sinh viên.

Chương trình này được lựa chọn để tham khảo chính cho chương trình đào tạo Thạc sĩ Kinh tế biển.

- Chương trình **Thạc sĩ Kinh tế biển (Marine Resource Economics)** của trường **Đại học Portsmouth (Business School, University of Portsmouth)**.

Đại học Portsmouth thuộc top 2% đại học thế giới, top 400 theo bảng xếp hạng các trường đại học thế giới của Tạp chí The Times Higher Education các năm 2013-2014. Đối tượng học là những người có kiến thức nền tảng về kinh tế học ứng dụng, khoa học biển hoặc sinh học biển; đối tượng liên quan đến quản lý tài nguyên thiên nhiên ở các nước đang phát triển (nơi nghề cá và nuôi trồng thủy sản đóng vai trò quan trọng để duy trì sinh kế). Khóa học cung cấp cho học viên năng lực phân tích các lợi ích tiềm năng từ sử dụng có hiệu quả các hoạt động môi trường biển; đánh giá thiệt hại kinh tế biển do sự cố ô nhiễm và thiên tai; năng lực phát triển các chiến lược quản lý để cải thiện việc quản trị biển, thủy sản, nuôi trồng thủy sản. Chương trình kéo dài 1,5 năm, kỳ đầu học các học phần chung về tài nguyên biển, kinh tế lượng, các học phần cơ bản về kinh tế (kinh tế vĩ mô, Kinh tế phát triển...), phương pháp nghiên cứu kinh tế. Từ kỳ hai học các học phần chuyên ngành tài nguyên biển và thực hiện luận văn.

PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo	69 tín chỉ
- Khối kiến thức chung	8 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành	52 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc</i>	26 tín chỉ
+ <i>Tự chọn</i>	18/36 tín chỉ
+ <i>Thực tập thực tế và chuyên đề</i>	8 tín chỉ
- Luận văn	9 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các HP tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung		8				
1	PHI 5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60	0	0	
2	ENG 5001	Tiếng Anh cơ bản* <i>English for General Purposes</i>	4	40	20	0	
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		52				
II.1	Các học phần bắt buộc		26				
3	HMO 6301	Đại cương về biển và đại dương <i>Introduction to Coasts and Oceans</i>	3	35	10	0	
4	INE 6005	Lý thuyết kinh tế vi mô <i>Microeconomics Theories</i>	3	30	15	0	
5	INE 6003	Lý thuyết kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomics Theories</i>	3	30	15	0	
6	FDE 6002	Hoạch định chiến lược phát triển	3	30	15	0	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các HP tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		kinh tế biển <i>Marine Strategy Development</i>					
7	FDE 6003	Luật biển quốc tế và Việt Nam <i>International and Vietnam Marine Laws</i>	3	30	15	0	
8	HMO 6302	Quy hoạch không gian biển <i>Marine Spatial Planning</i>	3	30	15	0	
9	FDE 6005	Kinh tế tài nguyên và môi trường biển <i>Marine Resource and Environmental Economics</i>	3	30	15	0	
10	FDE 6006	Chính sách Tăng trưởng xanh <i>Green Growth Policy</i>	3	30	15	0	
11	INE 6001	Thiết kế nghiên cứu luận văn <i>Dissertation Research Design</i>	2	20	10	0	
II.2	Các học phần tự chọn		18/36				
12	FDE 6007	Phân tích chính sách kinh tế biển Việt Nam <i>Vietnamese Marine Policy Analysis</i>	3	30	15	0	
13	HMO 6303	Quản lý hệ sinh thái biển <i>Marine Ecosystem Management</i>	3	30	15	0	
14	FDE 6009	Quản trị và an ninh biển <i>Marine Governance and Security</i>	3	30	15	0	
15	HMO 6304	Quản lý tổng hợp vùng ven bờ <i>Integrated Coastal Zone</i>	3	35	10	0	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các HP tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>Management</i>					
16	FDE 6011	Thẩm định dự án đầu tư (<i>Project Appraisal</i>)	3	30	15	0	
17	FDE 6012	Các mô hình ra quyết định đa tiêu chuẩn trong kinh tế và quản trị <i>Multi-criteria decision making models in economics and administration</i>	3	30	15	0	
18	FDE 6013	Quản lý, giám sát và đánh giá dự án công <i>Public Project Management</i>	3	30	15	0	
19	FDE 6014	Kinh tế học khu vực công <i>Economics of the Public Sector</i>	3	30	15	0	
20	FDE 6015	Phân tích và hoạch định chính sách công <i>Public Policy Analysis and Planning</i>	3	30	15	0	
21	FDE 6016	Phân tích chi phí – Lợi ích mở rộng <i>Expanded Cost-Benefit Analysis</i>	3	30	15	0	
22	FDE 6017	Kinh tế học về Biến đổi khí hậu <i>Economics of Climate Change</i>	3	35	10	0	
23	INE 6006	Thương mại quốc tế: Chính sách và thực tiễn <i>International Trade</i>	3	30	15	0	
II.3	Thực tập thực tế và chuyên đề		8				

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các HP tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
II.3.1	Thực tập thực tế		4				
24	FDE 6037	Thực tập thực tế 1 <i>Internship 1</i>	2	0	30	0	
25	FDE 6038	Thực tập thực tế 2 <i>Internship 2</i>	2	0	30	0	
II.3.1	Các chuyên đề		4/8				
26	FDE 6039	Thương hiệu biển <i>Marine Trade Mark</i>	2	20	10	0	
27	HMO 6305	Chiến lược biển của một số quốc gia <i>Marine Strategies of some countries</i>	2	20	10	0	
28	HMO 6306	Phát triển khu đô thị biển <i>Marine Urban Development</i>	2	20	10	0	
29	FDE 6042	Sinh kế bền vững cho cộng đồng ven biển <i>Sustainable Livelihood for Coastal Communities</i>	2	20	10	0	
III	FDE 7201	Luận văn	9				
Tổng cộng			69				

Ghi chú: (*) Học phần tiếng Anh cơ bản là học phần điều kiện, có khối lượng 4 tín chỉ, được tổ chức đào tạo chung trong toàn ĐHQGHN cho các học viên có nhu cầu và được đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Kết quả đánh giá học phần tiếng Anh không tính trong điểm trung bình chung tích lũy nhưng vẫn tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.